

TỪ HUYỀN THOẠI DÂN GIAN ĐẾN BIỂU TƯỢNG DÂN TỘC: SỰ DIỄN HÓA HÌNH TƯỢNG THÁNH GIÓNG TRONG DÒNG CHẢY LỊCH SỬ VĂN HÓA VIỆT NAM

Mai Thị Thu Huyền *

Ngày nhận bài: 09 tháng 01 năm 2026

Ngày nhận bài sửa: 23 tháng 03 năm 2026; Ngày duyệt đăng: 23 tháng 03 năm 2026

TÓM TẮT

Bài viết này tập trung tìm hiểu quá trình Thánh Gióng từ một nhân vật dân gian trở thành một biểu tượng cho truyền thống yêu nước, tinh thần quật khởi và sức mạnh phi thường của dân tộc Việt Nam. Lần theo quá trình diễn hóa của câu chuyện *Thánh Gióng* qua các bản kể từ thế kỷ X cho đến nửa sau thế kỷ XX, bài viết chỉ ra sự khác biệt trong cách tiếp nhận và diễn giải nhân vật Thánh Gióng giữa các giai đoạn lịch sử, từ đó đi đến khẳng định ý nghĩa biểu tượng mà nhân vật Thánh Gióng có được ở Việt Nam đương đại là kết quả của một quá trình bắt đầu từ năm 1955, khi các trí thức ái quốc đi theo đường lối của Đảng Lao động Việt Nam và Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa nỗ lực tìm kiếm những quá khứ khả dụng cho công cuộc kiến tạo quốc gia - dân tộc Việt Nam lúc bấy giờ.

Từ khóa: Chủ nghĩa dân tộc lãng mạn; kiến tạo quốc gia - dân tộc; quá khứ khả dụng; truyền thống tân tạo; văn học và dân tộc.

FROM FOLK MYTH TO NATIONAL ICON: THE TRANSFORMATION OF THE SAINT GIONG IMAGE THROUGHOUT VIETNAMESE CULTURAL HISTORY

Mai Thi Thu Huyen *

Received: January 09, 2026

Revised: March 23, 2026; Accepted: March 23, 2026

ABSTRACT

This article examines the process by which the folklore character Saint Giong emerged as a symbol of patriotic tradition, indomitable spirit, and extraordinary strength among the Vietnamese people. By tracing the evolution of the *Saint Giong* story across various versions from the tenth century to the late twentieth century, the article identifies differences in the reception and interpretation of the character across historical periods. The findings indicate that the symbolic significance of Saint Giong in contemporary Vietnam results from a process initiated in 1955, when patriotic intellectuals aligned with the Vietnam Laborers' Party and the Government of the Democratic Republic of Vietnam sought to identify usable pasts to support nation-building efforts.

Keywords: Romantic nationalism; nation building; usable past; invented traditions; literature and nation.

* Viện Văn học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam
Email: mai.maithithuhuyen@gmail.com

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Thánh Gióng (hay Phù Đổng, Phù Đổng Thiên Vương, Đổng Thiên Vương, Sóc Thiên Vương) được coi là một trong “tứ bất tử” mà người Việt Nam tôn kính và sùng thượng. Không chỉ được dựng tượng đài (Huy và cộng sự, 2010), được người dân ở xã Phù Linh, xã Phù Đổng, làng Sen Hồ, làng Xuân Tảo, làng Bộ Đầu tại Hà Nội thờ phụng và tổ chức lễ hội hàng năm để tưởng nhớ công ơn (Hoàng thành Thăng Long, Krnxb), Thánh Gióng còn được xem như “một mẫu mực của anh hùng dân tộc” (Cao, [1969], 2003, tr.305) để một số nơi vay mượn, mô phỏng cốt truyện và xây dựng nên thần tích, truyền thuyết về các anh hùng của địa phương mình¹. Với những tình tiết hấp dẫn như sự ra đời thần kỳ, biến thành người khổng lồ, chiến đấu chống giặc ngoại xâm, cưỡi ngựa bay lên trời, câu chuyện *Thánh Gióng* đã khiến nhiều thế hệ người Việt Nam say mê và cho đến tận bây giờ, sức hút của nó dường như không hề giảm sút - điều có thể nhận thấy qua những phiên bản truyện chữ, truyện tranh, phim hoạt hình về Thánh Gióng liên tục được phát hành kể từ năm 1975 trở lại đây². Câu chuyện này cũng được giới thiệu trong các bộ từ điển văn học (Nhiều tác giả, 1984; Đỗ, và cộng sự, 2004), được đưa vào chương trình giảng dạy môn Ngữ văn ở bậc Trung học cơ sở (Nguyễn, 2002; Bùi, 2021; Nguyễn, 2021) và cả các giáo trình ở bậc Đại học như giáo trình *Văn học dân gian Việt Nam* do Đinh Gia Khánh

và Chu Xuân Diên biên soạn (phát hành lần đầu tiên năm 1962 và được tái bản nhiều lần kể từ đó cho đến nay), hay giáo trình *Văn học dân gian Việt Nam* do Vũ Anh Tuấn chủ biên (2016). Không chỉ được xếp vào danh mục “những tác phẩm tiêu biểu” của văn học dân gian Việt Nam (Bùi, 2000, tr.4), *Thánh Gióng* còn được tuyển chọn để giới thiệu với sinh viên nước ngoài về “lịch sử, văn hóa và con người Việt Nam” (Trần, 2021, tr.iii), là một trong mười truyện cổ được dịch sang tiếng Anh (Nguyen và cộng sự, 2003) và nằm trong danh mục hai mươi truyện cổ được dịch sang tiếng Nhật Bản nhằm giúp “người dân Nhật Bản hiểu thêm về dân tộc Việt Nam” (Ngô, 2022, tr.10). Hiện nay, Thánh Gióng được xem như “biểu tượng rực rỡ của ý thức và sức mạnh bảo vệ đất nước, đồng thời là sự thể hiện quan niệm và ước mơ của nhân dân ta ngay từ buổi đầu lịch sử về người anh hùng cứu nước chống ngoại xâm” (Nguyễn, 2002, tr.23); “vị anh hùng dân tộc lý tưởng, làm hình mẫu cho hết thảy những người bảo vệ Tổ quốc sau này” (Bùi, 2003, tr.9). Phù Đổng - một danh xưng khác của Thánh Gióng - thậm chí còn trở thành tên gọi chính thức của đại hội thể dục thể thao dành cho học sinh phổ thông do ngành Giáo dục Việt Nam tổ chức kể từ năm 1982 đến nay - Hội khỏe Phù Đổng - với mục đích biểu dương sức trẻ Việt Nam, khuyến khích thanh thiếu niên rèn luyện thể chất, giáo dục về lòng yêu nước và ý thức bảo vệ quốc gia cho thế hệ trẻ (Nguyễn, 2024). Có thể thấy, dù là một nhân vật hư cấu thuộc về thế giới

¹ Chẳng hạn, làng Chiềng ở Thanh Hóa (truyện *Thánh Dóng*), làng Tiên Lát ở Bắc Giang (truyện *Thạch tướng quân*), làng Hiền Quan và làng Thụy Vân ở Phú Thọ (truyện *Đức Thánh Ông* và truyện *Lân Hồ*) và đền Voi Phục ở Hà Nội (truyện *Linh Lang*). Cụ thể, xem Cao, [1969], 2003, tr.302-313.

² Để biết rõ hơn về những ấn bản truyện chữ và truyện tranh *Thánh Gióng* được phát hành tại Việt Nam, xem danh mục tài liệu liên quan đến từ khóa “Thánh Gióng” được cung cấp tại công tra cứu tư liệu của Thư viện Quốc gia Việt Nam (opac.nlv.gov.vn).

Khả nhiều bộ phim hoạt hình về Thánh Gióng đã được đăng tải trên truyền hình và internet, chẳng hạn: *Sự tích Thánh Gióng* (Miền Cổ Tích sản xuất), *Truyện thuyết Thánh Gióng* (Khoảng Trời Yêu Thương sản xuất), *Truyện cổ tích Việt Nam – Thánh Gióng* (Muôn Màu Cuộc Sống sản xuất), *Truyện thuyết Thánh Gióng* (Vạn Tịch sản xuất), *Cổ tích: Thánh Gióng* (Mê Hoạt Hình sản xuất). Cụ thể, xem những video được đề xuất tại đường link:

https://www.youtube.com/results?search_query=th%C3%A1nh+gi%C3%B3ng.

xa xưa, Thánh Gióng đang hiện diện như một biểu trưng cho truyền thống anh hùng và sức mạnh phi thường của dân tộc Việt Nam. Không những thế, Hội Gióng ở đền Phù Đổng và đền Sóc còn được xem là một di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại, được UNESCO công nhận vào năm 2010.

Tuy nhiên, như L. Smith đã tuyên bố, “không có gì là di sản hết” (Smith, 2006, tr.23). Để biện chính cho lời phủ quyết mạnh mẽ của mình, bà khẳng định: “Di sản không chỉ là những gì thuộc về quá khứ, dù đúng là như vậy, cũng không chỉ là những gì mang tính vật chất, dù điều này cũng đúng; mà di sản là một quá trình tương tác, một hành vi truyền đạt và một hành vi tạo ra ý nghĩa cho hiện tại và vì hiện tại” (Smith, 2006, tr.1). Đồng vọng với L. Smith, S.M. Pearce cũng nhấn mạnh: “một câu hỏi cơ bản trong ngành nghiên cứu di sản là di sản được kiến tạo ra sao, những quá trình lựa chọn đã diễn ra như thế nào để biến một số địa điểm, đối tượng và thực hành thành di sản, chứ không phải những thứ khác” (Pearce, 2013, tr.86). Như S.M. Pearce quan sát, ẩn chứa trong việc cân nhắc, lựa chọn ấy là “những ý niệm về tính giá trị”, thế nên, nghiên cứu về di sản là nghiên cứu “cách mà các thực hành và vật chất trở nên có giá trị và việc những cách định giá thay đổi theo thời gian” (Pearce, 2013, tr.86). Được gợi ý từ những luận điểm của L. Smith và S.M. Pearce, bài viết đặt ra những câu hỏi: Từ bao giờ, như thế nào, và tại sao nhân vật dân gian Thánh Gióng lại trở thành biểu tượng cho truyền thống yêu nước, tinh thần quật khởi và sức mạnh phi thường của dân tộc Việt Nam? Để tìm ra đáp án cho những câu hỏi ấy, bài viết sẽ lần theo sự diễn hóa của câu chuyện *Thánh Gióng* qua các văn bản từ thời trung đại (thế kỷ X - XIX) cho đến cuối thế kỷ XX, phân tích sự biến chuyển trong việc tiếp nhận và diễn giải biểu tượng Thánh

Gióng qua các tiến trình lịch sử, song song với việc khám phá quá trình tạo ra và định hình ý nghĩa cho biểu tượng dân tộc Thánh Gióng. Bài viết lập luận rằng diện mạo và ý nghĩa biểu trưng của Thánh Gióng trong bối cảnh đương đại không phải là những giá trị tự thân bất biến, mà là thành quả của một quá trình bắt đầu từ năm 1955, khi các trí thức ái quốc thực hiện việc tái diễn giải truyền thống để tạo ra những “quá khứ khả dụng”, đáp ứng yêu cầu cấp thiết của nhiệm vụ kiến tạo quốc gia và dân tộc dưới sự định hướng của Đảng Lao động Việt Nam và Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

2. SỬ HÓA HUYỀN THOẠI: DIỄN NGÔN VỀ THÁNH GIÓNG VÀ Ý NIỆM THỜI ĐẠI HÙNG VƯƠNG (THẾ KỶ X - XIX)

Thánh Gióng, như chúng ta biết đến ngày nay, là câu chuyện về một cậu bé kỳ lạ ở làng Gióng (nay là xã Phù Đổng, Hà Nội) dưới thời Hùng Vương thứ sáu, vốn là con của một cặp vợ chồng nghèo nhân hậu, đã lớn tuổi nhưng hiếm muộn. Mẹ Gióng hoài thai sau khi ướm bàn chân mình lên một dấu chân khổng lồ. Lên ba tuổi, Gióng vẫn không nói, không cười, đặt đâu nằm đấy. Đến khi giặc Ân sang xâm lược nước ta, sứ giả của nhà vua truyền lời kêu gọi người tài giết giặc cứu nước, Gióng bỗng cất tiếng nói, yêu cầu sứ giả về tâu với nhà vua chuẩn bị ngựa sắt, áo giáp sắt và roi sắt để Gióng đánh giặc. Sau hôm ấy, Gióng lớn nhanh như thổi nhờ cơm gạo mà cha mẹ và bà con trong làng gom góp. Gióng vươn vai biến thành một tráng sĩ oai phong lẫm liệt, mình mặc giáp sắt, cưỡi ngựa sắt và vung roi sắt về phía quân thù. Khi roi sắt bị gãy, Gióng nhổ tre bên đường để tiếp tục tấn công quân giặc. Sau khi diệt xong giặc Ân, Gióng cưỡi ngựa lên núi Ninh Sóc (hay núi Vệ Linh, xã Sóc Sơn, Hà Nội) rồi cả người lẫn ngựa cùng bay về trời.

Cốt truyện trên đây, như nhận định của Cao Huy Đình, “không phải một sớm một chiều mà hình thành trọn vẹn và ổn định ngay được” mà là “công trình của nhiều người, nhiều thời và nhiều nơi” ([1969], 2003, tr.318-319). Vận dụng hướng tiếp cận tiền sử học, Nguyễn Việt (2011) đặt ra giả thuyết Thánh Gióng vốn là sự kết hợp giữa vị thần Tre Trúc (Trúc Vương) của người Tây Âu - Dạ Lang (ở Quý Châu, tây bắc Quảng Tây, Trung Quốc) với tục thờ thần đá khổng lồ (ông Đùng, ông Đổng) của cư dân Lạc Việt bản địa. Trong khi đó, Nguyễn Khánh Toàn (1954), Nguyễn Đông Chi (1956), Đinh Gia Khánh và Chu Xuân Diên (1962), và Cao Huy Đình (1969) đều nhất trí rằng những tình tiết ban đầu của câu chuyện *Thánh Gióng* được hình thành từ thời công xã nguyên thủy và tại thời điểm ấy, chúng phản ánh cuộc chiến đấu chống các thế lực ngoại lai để bảo vệ bộ lạc và nhằm ca ngợi người anh hùng của bộ lạc. Tuy nhiên, theo thời gian, vị thần thiên nhiên/người anh hùng bộ lạc đó đã từng bước được lịch sử hóa, bồi đắp thêm các lớp nghĩa về một người anh hùng đánh giặc ngoại xâm – điều mà chúng ta có thể quan sát qua một số trước tác ở Việt Nam thời trung đại.

Cụ thể, *Việt điện u linh* do Lý Tế Xuyên (đời Trần) biên soạn và Nguyễn Văn Chát (đời Lê) tục bỏ đưa ra những thông tin không khớp nhau về xuất thân của nhân vật mà hiện nay được mệnh danh là Thánh Gióng. Trong khi truyện “Xung thiên dũng liệt chiêu ứng uy tín đại vương” ở tập sách này gợi ý rằng Thánh Gióng vốn là thần thổ địa ở chùa Kiến Sơ, làng Phù Đổng (về sau được Lý Thái Tổ sắc phong là Xung thiên dũng liệt chiêu ứng uy tín đại vương) thì truyên “Sự tích Sóc

Thiên Vương”³ lại cung cấp một bản lý lịch khác: Một cậu bé ở một ngôi làng nào đó nghe sứ giả truyền tin cầu người tài giỏi ra giúp nước thì giục mẹ lấy nhiều com cho mình ăn; sau khi ăn hết mấy đấu gạo, cậu vụt lớn lên thành một người khổng lồ rồi cầm gươm, cưỡi ngựa sắt, xông vào đánh tan quân giặc; sau đó, cậu phóng ngựa đến núi Vệ Linh rồi bay lên trời, trở thành thần núi Vệ Linh và có lần còn hiển linh để trợ giúp vua Lê Đại Hành đánh lui quân Tống (Lý, 2012, tr.103-106, 129-131).

Đến “Truyện Đổng Thiên Vương” trong *Lĩnh Nam chích quái* - tập sách vốn do Trần Thế Pháp (đời Trần) soạn, sau đó được hai vị quan thời Hậu Lê là Vũ Quỳnh (1453-1516) và Kiều Phú (1447-?) nhuận chính, sự tích về vị thần thổ địa ở chùa Kiến Sơ, làng Phù Đổng đã được lồng ghép vào sự tích người anh hùng nhỏ tuổi và được “gia cố” thêm bằng rất nhiều chi tiết mới, chứ không còn sơ sài như phiên bản được ghi chép trong “Sự tích Sóc Thiên Vương” ở *Việt điện u linh* nữa. Trước hết, câu chuyện này được gắn với một thời đại xác định hơn (thời Hùng Vương) và một bối cảnh cụ thể hơn (Hùng Vương cấy nước mình giàu mạnh nên chènch mảng việc triều cống Bắc quốc, vua nhà Ân bèn đem quân sang xâm lược). Thứ hai, xuất hiện nhân vật Long Quân (tức Lạc Long Quân, thủy tổ của người Việt) - người đóng vai trò nhắc nhở Hùng Vương chinh đốn quân đội và đi tìm bậc kỳ tài trong thiên hạ để dẹp giặc, hện rằng ai phá được giặc thì sẽ được trọng thưởng. Thứ ba, cậu bé kỳ lạ đã có xuất thân rõ ràng: con của “một phú ông tuổi hơn sáu mươi” ở làng Phù Đổng, huyện Tiên Du, Bắc Ninh. sinh ngày mùng 7 tháng Giêng

³ “Sự tích Sóc Thiên Vương” là một trong những truyện được Quốc Tử Giám Tư nghiệp Nguyễn Văn Chát tục bỏ vào văn bản *Việt điện u linh* của Lý Tế Xuyên.

(Trần và cộng sự, 2013, tr.46). Thứ tư, bản kể trong *Lĩnh Nam chích quái* có thêm chi tiết người mẹ lừa con rằng con chỉ biết ăn mà không biết đánh giặc để lấy phần thưởng của triều đình, báo đáp công dưỡng dục của cha mẹ, sau đó, đưa trẻ mới cất tiếng nói, giục mẹ gọi sứ giả vào nhà. Thứ năm, cậu bé lớn lên nhờ cơm gạo của làng xóm chứ không phải chỉ nhờ mấy đấu gạo của mẹ ruột như được kể trong “Sự tích Sóc Thiên Vương” ở *Việt điện u linh*. Thứ sáu, *Lĩnh Nam chích quái* cho biết rõ rằng cậu bé làng Phù Đổng cưỡi ngựa bay lên trời vào ngày mùng 9 tháng Tư, được Hùng Vương phong làm Phù Đổng Thiên Vương và lập miếu thờ phụng ở căn nhà cũ của cậu bé trong làng, sau được vua Lý Thái Tổ phong làm Xung Thiên Thần Vương, lập miếu thờ ở cạnh chùa Kiến Sơ (làng Phù Đổng), tạc tượng đặt ở núi Vệ Linh và cử hành tế lễ vào hai mùa xuân, thu (Trần và cộng sự, 2013, tr.45-48). Những chi tiết mới này nằm trong xu hướng hệ thống hóa thần thoại Việt Nam và lịch sử hóa truyền thuyết Việt Nam của *Lĩnh Nam chích quái* khi những người biên soạn tập sách lấy Lạc Long Quân làm chủ thể để khẳng định nguồn gốc con Rồng cháu Tiên của người Việt và lấy vua Hùng và nước Văn Lang làm điểm xuất phát theo đúng những diễn giải về nguồn gốc dân tộc của các sử gia thời Lý - Trần (Cao, [1969], 2003, tr.291). Các tác giả cũng hoàn tất quá trình hợp nhất sự tích về vị thần thổ địa ở chùa Kiến Sơ, làng Phù Đổng và sự tích người anh hùng nhỏ tuổi để từ đây, người anh hùng bắt đầu có một “căn cước” cụ thể và hoạt động trong những không gian, thời gian cụ thể hơn các bản kể trước đó.

Cũng ra đời dưới thời Hậu Lê như phiên bản *Lĩnh Nam chích quái* mà Vũ Quỳnh và Kiều Phú đã tham gia nhuận chính, nhưng *Đại Việt sử ký toàn thư* do Ngô Sĩ Liên

(1381?-1482?) và các sử thần đời Hậu Lê biên soạn lại đưa ra những thông tin không hoàn toàn trùng khít với phiên bản “Truyện Đổng Thiên Vương” ở *Lĩnh Nam chích quái*. Một mặt, bộ sử chí này vẫn chép rằng cậu bé kỳ lạ nọ là con của một ông nhà giàu ở làng Phù Đổng và việc vua Lý Thái Tổ dựng miếu thờ cậu ở cạnh chùa Kiến Sơ, sắc phong cậu làm Xung Thiên Thần Vương như *Lĩnh Nam chích quái* kể, đồng thời còn cho biết thêm rằng câu chuyện này diễn ra vào đời Hùng Vương thứ 6. Nhưng mặt khác, *Đại Việt sử ký toàn thư* không hề đề cập đến tình tiết Lạc Long Quân hiện lên để bày cách giữ nước cho hậu duệ của mình (Vua Hùng) và cả những chi tiết gây ấn tượng mạnh mẽ nhất cho người đọc, đó là cậu bé ăn rất nhiều rồi biến thành người khổng lồ, cưỡi trên lưng ngựa sắt để giết giặc. Thay vào đó, Ngô Sĩ Liên và các sử thần nhà Hậu Lê chỉ chép đơn giản rằng: “Ngày hôm ấy, đưa trẻ bỗng nói được, bảo mẹ ra mời thiên sứ vào, nói: Xin cho một thanh gươm, một con ngựa, thì vua không còn lo gì nữa. Vua sai đem cho gươm và ngựa, đưa trẻ lập tức phi ngựa, vung gươm mà đi, quan quân theo sau, phá giặc ở chân núi Vũ Ninh” (Ngô và cộng sự, 2009, tr.47). Lời kể trên cho thấy việc tiêu diệt giặc ngoại xâm không phải là chiến công của một mình cậu bé làng Phù Đổng mà có cả sự tham gia của quan quân triều đình. Tình tiết này cùng với việc nhân vật không hóa thân thành người khổng lồ đã khiến câu chuyện giảm bớt sắc thái kì ảo và không tạo ra ấn tượng sâu đậm về một anh hùng lập được những chiến tích phi thường khi tuổi đời còn rất nhỏ.

Sự không thống nhất giữa *Lĩnh Nam chích quái* và *Đại Việt sử ký toàn thư* về các tình tiết liên quan đến cậu bé làng Phù Đổng hé lộ rằng đến thời Hậu Lê, câu chuyện về Thánh Gióng có lẽ vẫn chưa được cố định hóa mà trong dân gian còn tồn tại nhiều bản

kể khác nhau về nhân vật này. Lời bàn mang thái độ nghi ngờ của Ngô Sĩ Liên về thuyết 50 người con theo Âu Cơ về núi và việc ông thắng thần bình luận rằng câu chuyện Sơn Tinh - Thủy Tinh “rất là quái đản” (Ngô và cộng sự, 2009, tr.48) đồng thời gợi ý rằng vị sử thần này không mấy tin tưởng vào các truyền thuyết về thời Hùng Vương, trong đó, có truyền thuyết về Xung Thiên Thần Vương/ cậu bé làng Phù Đổng và có thể vì lý do đó mà ông đã lựa chọn phiên bản có ít yếu tố kỳ ảo nhất để đưa vào *Đại Việt sử ký toàn thư*, hoặc có thể chính ông/ sử thần nào đó đã lược bớt một số yếu tố kỳ ảo trong câu chuyện trước khi đưa nó vào sử sách.

Thái độ nghi ngờ đối với câu chuyện *Thánh Gióng* cũng thể hiện ở một số tác phẩm được chấp bút sau *Đại Việt sử ký toàn thư* như *Vịnh Đổng Thiên Vương* của Doãn Khuê (1813-1878) và *Đại Nam quốc sử diễn ca* của Lê Ngô Cát (1827-1875), Phạm Đình Toái (1818-1901) và một số tác giả khác. Ngay từ đầu bài thơ, Doãn Khuê đã khẳng định rằng: “Kỳ tai thiên cổ sự/ Tái tịch vị tiền văn/ Ân khấu thị hà đại/ Sự thể tối phân vân” (Câu chuyện từ nghìn xưa kỳ lạ thay/ Chưa từng nghe đến trong sử sách/ Giặc Ân là ở thời nào/ Sự việc thật đáng phân vân) (Doãn, Krxnb). Về phần mình, nhóm tác giả của *Đại Nam quốc sử diễn ca* chỉ dành mười sáu câu thơ lục bát để kể lại câu chuyện về một cậu bé làng Phù Đổng có chí cần vương, “Lấy trung làm hiếu một đường phân minh” và khép lại đoạn thơ ấy bằng một câu hỏi tu từ hàm chứa mối nghi hoặc: “Chẳng hay truyện cũ lưu truyền có không?” (Lê và cộng sự, Krxnb).

Mặc dù vậy, câu chuyện *Thánh Gióng* vẫn chiếm được cảm tình của nhiều trí thức Việt Nam thời trung đại, những người không quá bận tâm về tính xác thực của truyền thuyết dân gian này và vẫn thể hiện lòng tôn

kính đối với vị anh hùng mà họ tin là có thật và đã làm rạng rỡ cho non sông, đất nước, khiến những thế lực ngoại bang phải kiêng dè Đại Việt. Có thể thấy điều đó qua khá nhiều bài thơ đề vịnh Thánh Gióng, chẳng hạn *Quá Phù Đổng độ* của Tạ Thiên Huân (đời Trần), *Đề Vệ Linh sơn* (được cho là) của Ngô Chi Lan (đời Hậu Lê), *Phù Đổng Thiên Vương* (Khuyết danh, đời Hậu Lê), *Đề Sóc Thiên Vương ảnh từ* của Vũ Tông Phan (1800-1851), *Đăng Vệ Linh sơn yết Đổng thiên từ đề bích* và *Giang thượng vọng Vệ Linh sơn* của Cao Bá Quát (1809-1855), *Vịnh Đổng Thiên Vương* của Nguyễn Khuyến (1835-1909) và đặc biệt là diễn ca lịch sử *Thiên Nam ngữ lục* (Khuyết danh, cuối thế kỷ XVII). Trong khi những bài thơ đề vịnh của Tạ Thiên Huân, (được cho là) Ngô Chi Lan, Vũ Tông Phan, Cao Bá Quát và Nguyễn Khuyến thường chỉ đề cập tới việc Gióng là một cậu bé ba tuổi, cười ngửa sất và tiêu diệt giặc ngoại xâm - tình tiết nổi bật và gây ấn tượng nhất trong câu chuyện *Thánh Gióng*, thì *Thiên Nam ngữ lục* cung cấp một tiểu truyện chi tiết hơn về nhân vật đó “với một khẩu khí tràn đầy tính chất anh hùng ca và một ngôn ngữ chất phác, sinh động, giàu tính chất dân gian” (Cao, [1969], 2003, tr.292). Đáng chú ý, tác phẩm diễn ca này khẳng định nguồn gốc thượng giới của mẹ con Thánh Gióng, thay vì kể rằng Thánh Gióng là con của một cặp vợ chồng bình thường dưới trần gian như *Lĩnh Nam chích quái* hay *Đại Việt sử ký toàn thư*. Cụ thể, khi người mẹ hãi hùng vì con trai mình bỗng cất tiếng nói sau ba năm không nói không cười và còn yêu cầu mẹ mời sử giả vào nhà, cậu bé làng Phù Đổng đã nói thật cho mẹ mình biết rằng mẹ vốn là một vị tiên trên trời nhưng gặp sự không may nên bị đày xuống trần gian, còn cậu vốn là thiên tướng, tên thật là Xung Thiên Thần Vương, vì nhận

lệnh trời mà “đầu thai mượn khí mẹ rày sinh ra” để “Trừ Ân, trợ nước Việt Thường/ Cho yên trăm họ kẻ thương trẻ già” (Bùi, 2000, tr.781). Bên cạnh đó, dù vẫn có chi tiết cậu bé làng Phù Đổng vươn vai thành một người khổng lồ cao hơn mười trượng, nhưng *Thiên Nam ngữ lục* lại không có chi tiết cậu bé ăn rất nhiều cơm gạo rồi mới biến thành người khổng lồ như *Việt điện u linh* và *Lĩnh Nam chích quái* ghi chép.

Có thể thấy, từ một vị nhiên thần/ người anh hùng bộ lạc, Thánh Gióng đã từng bước được lịch sử hóa và gắn với những diễn ngôn ở Việt Nam thời trung đại về thời đại Hùng Vương. Trong khi cùng bảo lưu mạch truyện chính về một cậu bé dũng cảm xung trận để tiêu diệt giặc ngoại xâm, các bản kể lúc bấy giờ đã đưa ra các thông tin không khớp nhau về xuất thân của cậu bé kỳ lạ (là kết quả của một cuộc hôn phối thần kỳ/ là con của một phú ông/ là thiên tướng đầu thai xuống hạ giới) và việc biến hình của nhân vật (ăn khỏe rồi biến thành người khổng lồ/ biến thành người khổng lồ/ không biến thành người khổng lồ). Những khác biệt trên đây cho chúng ta biết rằng trước thế kỷ XX, đã có nhiều cách diễn giải khác nhau về Phù Đổng Thiên Vương/ Xung Thiên Thần Vương/ Sóc Thiên Vương/ cậu bé làng Phù Đổng/ Thánh Gióng, nhưng điều đáng chú ý là không có diễn giải nào trong số đó định vị nhân vật này như một biểu tượng cho lòng yêu nước và sức mạnh phi thường của người dân đất Việt. Không những thế, động lực thúc đẩy Thánh Gióng xung trận trong các bản kể thậm chí còn kéo nhân vật này ra khỏi địa hạt của lòng yêu nước, bởi hành động tòng quân giết giặc của Thánh Gióng được diễn tả như là biểu hiện của đức “trung” (Tuân theo mệnh lệnh của thiên công: diệt giặc Ân để mang lại bình yên cho trăm họ như ở *Thiên Nam ngữ lục* hay xung trận vì lòng trung thành với nhà

vua như ở *Đại Nam quốc sử diễn ca* hoặc đức “hiếu” (Tòng quân để được triều đình ban thưởng, báo đáp công ơn dưỡng dục của cha mẹ như “Truyện Đổng Thiên Vương” trong *Lĩnh Nam chích quái* gợi ý). Thái độ hồ nghi mà những nhà nho tham gia vào việc biên soạn *Đại Nam quốc sử diễn ca* thể hiện đối với sự tích *Thánh Gióng* cũng hé lộ rằng đến khoảng giữa thế kỷ XIX, *Thánh Gióng* chưa trở thành một điển phạm thiêng liêng và chưa được hình dung như một biểu trưng cho dân tộc Việt Nam.

3. THỨC TỈNH ĐỒNG BÀO: DIỄN NGÔN THÁNH GIÓNG TRONG TÂM THẾ TRÍ THỨC BỊ TRỊ THỜI PHÁP THUỘC

Việt Nam thời Pháp thuộc (từ cuối thế kỷ XIX đến 1945) chứng kiến sự xuất hiện của hàng loạt bài thơ Đường luật, thơ lục bát in trên báo chí về Thánh Gióng và những cuốn sách bằng chữ Hán hoặc chữ Nôm viết về/ đề cập đến câu chuyện *Thánh Gióng*, chẳng hạn *Sóc Sơn từ phả*, *Bách thần lục*, *Nam sử diễn ca*, *Nam sử tập biên*, *Bắc Ninh phong thổ tạp ký*, *Bắc Ninh phong thổ diễn âm*, *Hùng triều phả lục*, *Ninh Sóc sự tích*, *Đổng thiên vương tân truyện*, *Đổng thiên vương tích ký*, *Phù Đổng thiên vương sự tích*, *Đổng thiên vương triều Ân* (Cao, [1969], 2003, tr.315-316). Sự ra đời của những tác phẩm này dường như có liên quan đến chủ trương phục hồi và duy trì vốn cổ của thực dân Pháp và nhà Nguyễn lúc bấy giờ, mà một trong những biểu hiện của nó là việc Sở Liêm phóng Hà Nội chỉ đạo nhiều viên quan tổng đốc, tuần phủ và tri huyện viết lại thần phả và soạn kinh về đức Thánh Gióng ở hội đền Gióng và hội đền Sóc Sơn (Cao, [1969], 2003, tr.315). Theo quan sát của Cao Huy Đình, các cuốn sách và thơ văn về Thánh Gióng trên báo chí không cung cấp thêm sự kiện và nhận

định nào khác so với *Lĩnh Nam chích quái*, *Đại Nam quốc sử diễn ca* ở thời kỳ trung đại, còn những thần phả, kinh kệ được biên soạn dưới sự chỉ đạo của bộ máy cầm quyền thì “pha trộn đủ các thứ giáo lý Phật, Đạo và Khổng, đầy rẫy tư tưởng duy tâm, thần bí, phân động, cốt khuyến dân nghèo mê tín vào thần thánh, ngoan ngoãn với ‘bề trên’ (tức là với chính quyền thực dân Pháp) và ‘chớ có nổi loạn’ (nghĩa là đừng làm cách mạng, không hợp với ‘đức thánh Đổng vốn từ bi’)” ([1969], 2003, tr.315-316). Có thể thấy, câu chuyện *Thánh Gióng* đã được những người cai trị Việt Nam cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX lợi dụng để tạo điều kiện thuận lợi cho nền đô hộ của họ tại thuộc địa.

Tuy nhiên, ở một phía khác, những người bị cai trị cũng trưng dụng câu chuyện này để bày tỏ thái độ và khát vọng của mình trong tình thế thuộc địa. Hai câu thơ: “Hà dương tái toán Hùng đồ sự/ Thiết mã trường khu bạch quý nan” (Làm sao kể nghiệp triều Hùng/ Ngựa xưa quý trắng khỏi vòng biên cương) của Phùng Huệ (?-?) - quan giáo thụ ở Kim Sơn và đôi câu đối ở đền Cáo: “Ân tặc tội đương tru, tam tuế nhưng y trưng nhất nộ/ Sóc Sơn linh bất tán, đấng không thiết mã hễ trùng lai” (Giặc Ân, tội ác quyết không tha, mới ba tuổi, áo nhung đã tung bay phần nộ/ Núi Sóc, khí thiêng còn vương mãi, tự chín tầng, ngựa sắt những ước thấy quay về) (dẫn theo: Cao, [1969], 2003, tr.301-302) đều nhắc đến những chi tiết đặc trưng của câu chuyện *Thánh Gióng* như “thiết mã” (ngựa sắt), “tam tuế” (ba tuổi), “Ân tặc” (giặc Ân), “Sóc Sơn” (núi Sóc) để thể hiện ước mơ đẩy lùi bọn “bạch quý” (quý trắng, tức thực dân Pháp) ra khỏi lãnh thổ Việt Nam, giống như Thánh Gióng đã chiến thắng giặc Ân dưới thời Hùng Vương xa xưa. Niềm mơ ước ấy tiếp tục được Vũ Đăng Chúc (?-?) gửi gắm một cách kín đáo trong *Chuyện đức Thánh*

Gióng (1939) - một truyện thơ lục bát kể lại tích truyện *Thánh Gióng* với không có quá nhiều điểm khác biệt so với “Truyện Đổng Thiên Vương” trong *Lĩnh Nam chích quái* và tích hợp thêm chi tiết Thánh Gióng nhỏ tre để đánh giặc từ truyền thuyết dân gian. Điều đáng chú ý trong tác phẩm này là mười câu thơ cuối cùng, nơi tác giả khái quát rằng những kẻ tạo ra chiến tranh sẽ phải gặp hậu quả: “Ngẫm xem sử sách nghìn xưa/ Muôn dân một bụng đều ưa hòa bình/ Quân nào gây nạn chiến tranh/ Reo [Gieo] gió gặt bão nạn dành đến sau/ Rõ điều sự thế đáo [giáo] đầu/ Công ghi oán trả ai hầu đã qua” và dâng hương lên đấng thần minh đã giúp dân giúp nước để “Cầu cho nước được thái bình muôn năm!” (Vũ, 1939, tr.9). Trong bối cảnh thuộc địa, sử dụng câu chuyện *Thánh Gióng* là cách để Vũ Đăng Chúc bày tỏ khát vọng hòa bình, khi “những loài gian manh/ Dã tâm gây cuộc binh tranh/ Giết nhau gây sự hôi tanh cõi đời” như thực dân Pháp bị những “thiên tướng” như Thánh Gióng chinh phạt (Vũ, 1939, tr.7-8).

Cũng sáng tác dưới thời Pháp thuộc như Vũ Đăng Chúc nhưng Trần Trung Viên (?-?) lại chuyển tải những thông điệp khác trong tác phẩm *Truyện đức Thánh Gióng (Phù Đổng Thiên Vương)* (1929). Trong phần “Nời nói đầu”, tác giả cho biết tác phẩm này nhằm phổ biến lịch sử nước nhà - một hành động mà nếu nhìn qua thì là “theo ý” và “giúp việc” cho Nhà nước bảo hộ vì Nhà nước đang khuyến khích người dân Việt Nam học lịch sử, nhưng thực tế lại là để “cho anh em cùng xem, để cùng nhau đọc, cho hiểu rõ những công nghiệp sáng lạng [xán lạn] của các bậc anh hùng thừa xưa” và “cho người biết nước ta cũng chẳng phải nước hèn gì, cũng có đủ văn hiến, giáo hóa, vũ công, uy phục, có kém gì ai đâu” (Trần, 1929, tr.3-4, NV nhấn mạnh). Hai phát biểu trên

đây của Trần Trung Viên cho thấy *Truyện đức Thánh Gióng (Phù Đổng Thiên Vương)* hướng đến cả thực dân cai trị (“người”) lẫn những người Việt Nam bị trị (“anh em”) lúc bấy giờ, và câu chuyện mà ông tường thuật chính là minh chứng cho một Việt Nam không “hèn”, không “kém”. Để phục vụ cho mục đích của mình, Trần Trung Viên đã nhào nặn lại “*Truyện Đổng Thiên Vương*” ở *Lĩnh Nam chích quái* và những truyền thuyết dân gian có liên quan, sáng tạo thêm một số tình tiết mới (như những điềm lạ lúc cậu bé làng Phù Đổng ra đời và việc cậu quay trở về để đón mẹ lên trời) và đặc biệt, đưa vào tác phẩm rất nhiều phát biểu cảm nghĩ và quan điểm cá nhân, khiến cho *Truyện đức Thánh Gióng (Phù Đổng Thiên Vương)* khó có thể được xem là một tiểu thuyết hay một sử chí đúng nghĩa, dù chính tác giả định danh nó là “*lịch sử tiểu thuyết*” (tức tiểu thuyết lịch sử) và Nam Ký thư quán xếp nó vào bộ sách “*Trung ngoại danh nhân hào kiệt sử*” (*Lịch sử các bậc anh hùng hào kiệt trong nước và trên thế giới*). Trong bản kể của Trần Trung Viên, Thánh Gióng là người anh hùng xuất hiện để cứu nguy cho một đất nước đang “*khủng hoảng*” khi Hùng Huy Vương tỏ ra là một bậc hôn quân “*không lo sửa đức tính, chẳng giáo hóa muôn dân, lại còn ham mê đồng bóng, tin sự bói toán, nói truyện quỷ thần, cả ngày chỉ biết bốc cát vâng hung*” (1929, tr.8). Đáng chú ý, khi luận bàn về tình thế nguy nan của Văn Lang khi giặc Ân sang xâm lược, Trần Trung Viên đã vận dụng bốn câu thơ tương truyền là do vua Thành Thái nhà Nguyễn cảm tác vào năm 1902 khi tham dự lễ khánh thành cầu Paul Doumer⁴ mà thực dân Pháp xây dựng để mĩa mai nhân vật Hùng Huy Vương - người chỉ biết than thở

lúc xã tắc ngả nghiêng rằng: “*Tam bôi hoàng tửu lê dân huyết/ Sở trần thanh trà bách tính cao/ Thiên lệ lạc thời nhân lệ lạc/ Ca thanh cao xướng khắp thanh cao*” (Ba chén rượu trong hoàng cung đều là máu của dân đen/ Mấy chén trà xanh đều là mỡ của bách tính/ Mưa tuôn từ trên trời như là nước mắt của dân chúng rơi xuống/ Tiếng hát càng cao thì tiếng khóc càng cao) vì lúc thái bình, vua chỉ mãi mê “*yên hưởng giàu sang, không chịu lo xa, quân lính không cho luyện tập, chỉ sắm năm mấy bộ áo thêu rồng, mấy câu văn xung tụng, mấy lầu các nguy nga, cho phi lòng vật dục*” (1929, tr.16). Cách vận dụng này hé lộ khuynh hướng đồng nhất tình cảnh đất nước Văn Lang đời Hùng Huy Vương với tình thế thuộc địa của Việt Nam ở đầu thế kỷ XX trong *Truyện đức Thánh Gióng (Phù Đổng Thiên Vương)*. Trần Trung Viên tiếp tục thể hiện khuynh hướng ấy khi kể rằng dân chúng Văn Lang không dám ra khỏi nhà vì sợ giặc Ân dù đức vua đã ban chỉ dụ cầu hiền, sau đó bình luận rằng: “*ấy cái lòng sợ giặc Ân của người Văn Lang ta lúc bấy giờ bành trướng đến như thế là cùng!*” (1929, tr.17) như một sự đồng vọng với những lời thở than của nhà chí sĩ yêu nước Phan Chu Trinh về sự yếu hèn của dân chúng Việt Nam thời thuộc địa⁵. Ở một chỗ khác, sau khi tường thuật việc Lạc Long Quân hiển linh để mách bảo Vua Hùng phương kế giữ nước, Trần Trung Viên đột ngột dừng mạch tự sự lại để nhấn gửi những người sống cùng thời với mình hãy giữ vững niềm hi vọng vào tương lai của đất nước và kêu gọi “*anh em*” “*cố công học tập cho khỏi phụ tấm lòng Tổ quốc*” (1929, tr.15). Nói cách khác, câu chuyện *Thánh Gióng* được thuật lại trong *Truyện đức Thánh Gióng (Phù Đổng Thiên*

⁴ Nay là cầu Long Biên ở Hà Nội.

⁵ Chẳng hạn, trong *Thư gửi toàn quyền Đông Dương* (1906), Phan Chu Trinh viết: “*Nhân dân nước Nam bây giờ ngu xuẩn như trâu, như ngựa, tha hồ cho người rầy trời, cho người đánh đập, có miệng mà không dám kêu, gần chết mà không dám than thở (...)* Than ôi! Nước Nam bây giờ, dân khí thì yếu hèn, dân trí thì mờ tối” (Đăng, 1976, tr.241, 245).

Vương) chỉ là một cái cớ để Trần Trung Viên phê phán vua quan triều Nguyễn - những người mà ông xem là đã đẩy Việt Nam vào tình trạng nô lệ, thể hiện thái độ không đồng tình với sự hèn yếu của con dân nước Việt thời thuộc địa và kêu gọi những người đồng chủng hướng đến Tổ quốc. Mặc dù vậy, lời kêu gọi của Trần Trung Viên chỉ dừng lại ở việc khuyến khích đồng bào “cố công học tập”, thay vì trực tiếp khích lệ họ vùng lên đấu tranh để lật đổ ách đô hộ của ngoại bang, bởi ấn phẩm này - giống như các xuất bản phẩm công khai khác trong giai đoạn Pháp thuộc - phải trải qua sự kiểm duyệt của thực dân Pháp - những người đương nhiên không hề mong muốn dân bản xứ nổi loạn. Bởi vậy, lòng yêu nước của Trần Trung Viên chỉ có thể tỏ bày một cách gián tiếp qua việc viết lại một tích truyện đã có từ xưa xa xưa để làm “thông ngôn cho những kẻ đồng thời mình không biết nói, biết viết” và làm “phản khởi được tinh thần” của những người “đọc tới những câu chuyện oanh liệt” như *Thánh Gióng* (Trần, 1929, tr.4).

Khác Phùng Huệ, Vũ Đăng Chương và Trần Trung Viên, Ngô Quý Siêu (?-?) đã dùng tích truyện *Thánh Gióng* để trực tiếp truyền tải thông điệp cứu quốc tới người dân Việt Nam. Được sử dụng để giảng dạy ở các lớp học của Đông Kinh nghĩa thực - một phong trào cải cách xã hội do các chí sĩ yêu nước như Lương Văn Can, Đào Nguyên Phổ, Dương Bá Trạc, Nguyễn Quyền sáng lập nhằm mục đích khai trí cho dân chúng⁶, *Bài ca địa dư và lịch sử nước nhà* (1907) của Ngô Quý Siêu đặt Thánh Gióng bên cạnh những bậc hào kiệt đã chèo chống non nước Việt Nam qua bao cuộc vắn xoay của lịch sử như Hai Bà Trưng, Triệu

Âu, Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi để xác lập nên một phả hệ anh hùng mà theo ông, “dấu thơm” của họ “đài để muôn đời/ Làm gương cho chúng ta ngồi mà soi” (Đặng, 1976, tr.327). Ngô Quý Siêu gọi những người sống cùng thời với mình là “người đồng thân”, “người trong nước non này” - nghĩa là những người thân thiết, chung sống với nhau trong một cộng đồng và nhấn mạnh rằng họ đều là “giống con nòi”, tức là thuộc cùng một dòng giống anh hùng như Thánh Gióng, Hai Bà Trưng, Lê Lợi thuở trước, để từ đó, ông kêu gọi tình đoàn kết, yêu nước thương nòi ở những người đồng chủng (Đặng, 1976, tr.327).

Ba mươi lăm năm sau đó (1944), câu chuyện *Thánh Gióng* tiếp tục được Nguyễn Đình Thi (1924-2003), một thành viên của Hội Văn hóa Cứu quốc khi ấy, khai thác trong bài phát biểu “Sức sống của dân Việt Nam trong ca dao và cổ tích” mà ông trình bày tại một ngày hội của sinh viên. Ở bài phát biểu này, Nguyễn Đình Thi đề cập đến khuynh hướng tìm về dân tộc - một khuynh hướng mà như chính ông miêu tả, đang “rất mạnh” lúc bấy giờ vì có sự hậu thuẫn và khích lệ của thực dân Pháp và phát xít Nhật - và những “nhận xét vội vàng trong văn học hiện đại” ([1944], 1956, tr.5), chẳng hạn như nhận định của Vũ Ngọc Phan (1902-1987) trong cuốn *Trên đường nghệ thuật* (1940). Theo Nguyễn Đình Thi, tinh thần Việt Nam không hề buồn như Vũ Ngọc Phan đã khái quát, mà trái lại, đó là một “tinh thần vui vẻ, lạc quan, ham sống, ham vật lộn” ([1944], 1956, tr.23). Để củng cố cho luận điểm của mình, Nguyễn Đình Thi lựa chọn những dẫn chứng trong văn chương truyền khẩu, bởi ông cho rằng văn chương truyền khẩu mới

⁶ Về hoạt động của Đông Kinh nghĩa thực và thơ văn của các chí sĩ tham gia phong trào này, xem: Nhiều tác giả (2008) và Chương Thuần (2010).

thực sự “biểu lộ được ý nghĩ, tình cảm và đời sống của dân ta” và “cái nguồn sống chạy trong mạch máu dân tộc chúng ta” ([1944], 1956, tr.6). *Thánh Gióng* là một trong những dẫn chứng được lựa chọn, nhưng lại được Nguyễn Đình Thi thuật theo một cách rất khác so với những bản kể trước đó về nhân vật này:

“Tráng sĩ ấy gặp lúc quốc gia lâm nguy đã xông pha ra trận, đem sức khỏe mà đánh tan giặc, nhưng bị thương nặng. Tuy thế, người trai làng Phù Đổng vẫn còn ăn thêm một bữa cơm (chỗ ấy nay lập đền thờ ở làng Xuân Tảo) rồi nhảy xuống hồ Tây tắm, xong mới ôm vết thương lên ngựa, đi tìm một rừng cây âm u nào đó, ngồi dựa một gốc cây to, giấu kín nỗi đau đớn của mình mà chết.”

(Nguyễn, [1944], 1956, tr.21)

Thánh Gióng, như Nguyễn Đình Thi diễn giải, kì thực đã qua đời sau cuộc chiến đấu với giặc ngoại xâm, nhưng tình thế đáng u uất ấy đã được trí tưởng tượng của nhân dân Việt Nam thay đổi và biến người anh hùng đã tạ thế thành một vị thần bất tử để câu chuyện không còn buồn thảm, bởi “tinh thần Việt Nam không ưa bi đát” và “người dân ta lúc nào cũng trọng sự sống hơn cái chết và không công nhận số mệnh đau đớn mà tìm cách chống lại định mệnh, chữa lại định mệnh, để làm dịu bớt những vết thương, để tăng thêm lòng tin tưởng, vui vẻ, ham sống” ([1944], 1956, tr.23). Cùng với câu chuyện *Thánh Gióng*, nhiều bài ca dao và truyện cổ khác cũng được Nguyễn Đình Thi trích dẫn để phục vụ cho việc tái dựng lịch sử và định dạng bản sắc dân tộc. Không những thế, Nguyễn Đình Thi còn nỗ lực xây dựng mối gắn kết giữa quá khứ và hiện tại để nhấn mạnh rằng những người Việt Nam

sống cùng thời với ông, đặc biệt là thế hệ thanh niên, “phải biết can đảm, nhìn thẳng vào cuộc sống, nhận cho rõ những vấn đề cần giải quyết trong đó, rồi lăn vào đời, đem tâm lòng trung hậu, sức mạnh dồi dào thẳng thắn của mình cùng với người chung quanh giữ vững lửa sống truyền tự bao đời khỏi bị rập [dập] tắt, và nguồn sống của dân tộc lưu thông thế hệ nọ sang thế hệ kia khỏi bị khô cạn, để làm cho những mối đau thương mỗi ngày một ít hơn và cuộc sống trong non sông gấm vóc chúng ta mỗi ngày một đáng sống hơn” ([1944], 1956, tr.24). Những chất liệu của văn học thời quá khứ, như vậy, đã được Nguyễn Đình Thi trung dụng vào công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc ở nửa đầu thế kỷ XX.

Có thể thấy, câu chuyện *Thánh Gióng* đã được Phùng Huệ, Vũ Đăng Chúc, Trần Trung Viên, Ngô Quý Siêu và Nguyễn Đình Thi khai thác theo những cách thức khác nhau để truyền tải thông điệp về lòng yêu nước và khát vọng độc lập tới nhân dân Việt Nam, nhưng điểm chung giữa năm tác giả là đều ấn định Thánh Gióng như một vị anh hùng thời quá khứ của dân tộc Việt Nam chứ chưa coi nhân vật này là một biểu tượng cho dân tộc Việt Nam. Cách hình dung ấy vẫn được duy trì tới năm 1954, khi Thanh Lãng xuất bản công trình *Văn học khởi thảo: Văn chương bình dân*. Ở đó, câu chuyện *Thánh Gióng* được xếp vào loại truyện “anh hùng dân tộc”, tức loại truyện nêu cao “những gương anh hùng cứu quốc” để “làm bài học cho hậu thế soi chung” (Thanh, 1954, tr.37). Thế nhưng chỉ một năm sau đó, ý nghĩa biểu tượng dân tộc của Thánh Gióng sẽ được xác lập trong diễn ngôn của một loạt trí thức Việt Nam. Phần tiếp theo của bài viết này sẽ làm rõ điều ấy.

4. KIẾN TẠO TRUYỀN THỐNG: THÁNH GIÓNG NHƯ MỘT BIỂU TRUNG CHO “UY VŨ CỦA MỘT GIÓNG NÒI” TRONG DIỄN NGÔN CÁCH MẠNG (1955 - 1975)

Năm 1955 đánh dấu một cột mốc quan trọng trong lịch sử diễn giải *Thánh Gióng* khi Vũ Ngọc Phan đưa câu chuyện này vào tuyển tập *Truyện cổ tích Việt Nam* với một lối kể khá đặc biệt: Không chỉ trần thuật các sự kiện, soạn giả còn chú tâm giải thích bối cảnh lịch sử ở thời đại mà sự kiện diễn ra và khái quát về ý nghĩa của câu chuyện. Theo Vũ Ngọc Phan, câu chuyện *Thánh Gióng* xuất hiện khi người Việt Nam đã biết dùng sắt làm công cụ sản xuất và vũ khí chiến đấu, và nhân vật Thánh Gióng “tiêu biểu cho sức mạnh đang lên của người dân lao động Việt Nam vào thời mới có sắt” (1955, tr.54). Trong “Lời giới thiệu” của tuyển tập này, Vũ Ngọc Phan cũng thể hiện khuynh hướng đồng nhất Thánh Gióng với những người thuộc tầng lớp lao động khi ông nhận định “người nông dân Việt Nam bản chất rất hiền từ, khi bình thường có vẻ khù khờ, nhưng đến khi nước có nạn thì vùng lên giết quân xâm lược rất anh dũng” và ngay sau đó tuyên bố rằng “Thánh Gióng cũng vậy” (1955, tr. 36). Thánh Gióng trong bản kể của Vũ Ngọc Phan xuất thân từ một gia đình lao động - “một gia đình nông dân” (1955, tr.51) - chứ không phải là con nhà giàu như *Lĩnh Nam chích quái* và *Đại Việt sử ký toàn thư* ghi chép. Tiến thêm một bước nữa, Vũ Ngọc Phan khẳng định Thánh Gióng “là một nhân vật tượng trưng trong một khung cảnh huy hoàng, tiêu biểu cho sức mạnh tiềm tàng, tinh thần quật khởi, tinh thần chống xâm lăng của dân tộc ta” (1955, tr.37). Nghĩa là đến tuyển tập *Truyện cổ tích Việt Nam* của Vũ Ngọc Phan, Thánh Gióng đã được nâng lên thành

đại diện cho tầng lớp lao động Việt Nam và biểu tượng của dân tộc Việt Nam.

Đáng chú ý, học giả này không phải là người duy nhất quan niệm như thế. Mặc dù không đồng tình với phương pháp tiếp cận truyện cổ của Vũ Ngọc Phan, nhưng Trần Thanh Mại (1911-1965) cũng xem *Thánh Gióng* như một tác phẩm chuyển tải những thông điệp về dân tộc Việt Nam. Trong tiêu luận “Quan điểm duy vật máy móc và duy vật biện chứng trong cách nhận định một truyện cổ tích (Phê bình *Truyện cổ tích Việt Nam* của ông Vũ Ngọc Phan)” (1955), Trần Thanh Mại nhấn mạnh rằng truyện *Thánh Gióng* “là biểu hiện của ý chí quật cường của dân tộc chống xâm lăng giải phóng đất nước (...) tượng trưng cho cái hùng khí liêm liệt của một dân tộc trẻ trung đang trỗi dậy (...) là một bản hùng ca, ca ngợi cái uy vũ của một giống nòi...” ([1955] 2004: 536-537). Sau đó, khi xuất bản công trình *Tìm hiểu và phân tích truyện cổ Việt Nam* (1955), Trần Thanh Mại đã xếp *Thánh Gióng* vào danh mục truyện cổ thể hiện ý thức quốc gia, dân tộc và cho rằng những sự thực lịch sử “nhất định phải có”, “nhất định phải đúng” trong đó là lòng yêu Tổ quốc, ý thức bảo vệ non sông, niềm tin vững chắc vào khả năng của dân tộc và lực lượng đoàn kết chống xâm lăng ([1955], 2004, tr.617). Sau Vũ Ngọc Phan và Trần Thanh Mại, hàng loạt nhà nghiên cứu đã chú ý đến Thánh Gióng và tiếp tục diễn giải nhân vật này như một biểu trưng cho lòng yêu nước, truyền thống anh hùng và sức mạnh phi thường của dân tộc Việt Nam, chẳng hạn Cao Huy Đình ([1969], 2003, tr.360), Tầm Vu (1971, tr.111), Đinh Gia Khánh (1971, tr.122, 136), Văn Tạo (1972, tr.9, 11).

Có thể thấy, kể từ năm 1955 trở đi, Thánh Gióng đã có một vị thế và ý nghĩa hoàn toàn khác trước khi nhân vật này bắt đầu được suy tôn như một biểu tượng của dân tộc Việt Nam. Sự khác biệt này không phải là điều ngẫu nhiên mà có liên quan đến một phong trào văn hóa đã phát triển sôi nổi ở Việt Nam nửa sau thế kỷ XX nhờ sự cổ vũ và định hướng về mặt tư tưởng của các nhà lãnh đạo⁷ cùng sự hậu thuẫn bằng chính sách⁸ của Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa: phong trào phục hồi và phát huy vốn cổ văn nghệ của dân tộc⁹. “Vốn cổ văn nghệ của dân tộc” được xác định là chèo, tuồng, cải lương, thơ, dân ca, hò, vè, truyện cổ tích, tranh dân gian, điêu khắc, truyền thuyết, dân vũ và nhạc cụ dân tộc (Ty Văn hóa Kiến An, 1957, tr.5-6). Theo Quyết định số 255-VH/QĐ của Bộ Văn hóa nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ban hành ngày 11/4/1961, phong trào phục hồi và phát huy vốn cổ văn nghệ của dân tộc nhằm mục đích “giữ được vốn cổ dân tộc sẵn có không bị mất đi, đồng thời dựa vào vốn cổ dân tộc ấy mà cải biên và nâng cao lên, để góp phần xây dựng cho nền nghệ thuật có tính chất dân tộc của ta ngày càng được phong phú

hơn” (*Thư viện Pháp luật* Krnxb). Tuy nhiên, không phải bất cứ thứ gì thuộc về văn học - nghệ thuật Việt Nam thời quá khứ, trong đó có văn học dân gian, cũng được xác định là “vốn cổ dân tộc” để giữ lại, phục hồi và phát huy¹⁰. Khai thác cái gì và khai thác như thế nào để “có ích cho sự nghiệp cách mạng của chúng ta ngày nay” (Phạm Văn Đồng, bài nói chuyện tại Hội nghị Văn hóa toàn miền Bắc lần thứ nhất, 30/5/1956, trong: Hồ Chí Minh và cộng sự, 1963, tr.85) và “sao cho thích hợp với yêu cầu cách mạng hiện nay” (Hà Huy Giáp, phát biểu tại Hội nghị sưu tập văn học dân gian toàn miền Bắc, 4-5/12/1964, trong: Nhiều tác giả, 1966, tr.59) là vấn đề từng được thảo luận tại nhiều sự kiện. “Sự nghiệp cách mạng”, “yêu cầu cách mạng” ở Việt Nam lúc bấy giờ bao gồm việc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, đấu tranh chống đế quốc Mỹ và chính quyền tay sai của Mỹ ở miền Nam, tiến tới hòa bình, thống nhất đất nước (*Viện Đào tạo Báo chí và Truyền thông* Krnxb). Để góp phần cho sự nghiệp ấy, học giả Vũ Ngọc Phan đề xuất rằng “nên chú trọng khai thác những tác phẩm dân gian cũ và mới biểu hiện tinh thần bất khuất chống xâm lược của

⁷ Chẳng hạn, Hồ Chí Minh – Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa khi ấy nhấn mạnh rằng: “Không phục hồi vốn cổ văn nghệ dân tộc, để mất mát đi là có tội với tổ tiên chúng ta” (Dẫn theo: Ty Văn hóa Kiến An, 1957, tr.4). Trong bài nói chuyện tại Hội nghị Văn hóa toàn miền Bắc lần thứ nhất diễn ra vào ngày 30/5/1956, Phạm Văn Đồng – Thủ tướng Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa – cũng thiết tha kêu gọi bồi dưỡng vốn cũ dân tộc và bảo tồn các di tích lịch sử, vì “một nước không có di tích lịch sử thì mất ý nghĩa đi” (Hồ Chí Minh và cộng sự, 1963, tr.94). Bên cạnh những định hướng được nêu ra trong các hội nghị về văn hóa/ văn nghệ, những cuốn sách mang tính lý luận cũng được xuất bản để hướng dẫn văn nghệ sĩ phục hồi và phát huy vốn cổ văn nghệ dân tộc theo đúng chủ trương của Đảng và Nhà nước (chẳng hạn, xem: Ty Văn hóa Kiến An, 1957; Hà và cộng sự, 1961; Hồ Chí Minh và cộng sự, 1963).

⁸ Tháng 4/1952, Chính quyền nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thành lập Đoàn tuồng Liên khu 5 và dành cho đơn vị này nhiều ưu đãi để phát triển nó thành một đơn vị điển hình cho việc phục hồi, phát triển nghệ thuật tuồng. Ban Nghiên cứu Tuồng được thành lập vào năm 1958. Một năm sau, Trường Nghệ thuật Sân khấu được thành lập. Nhiều lớp đào tạo diễn viên sân khấu được tổ chức. Chương trình hát chèo và hướng dẫn thính giả hát chèo được phát sóng hàng ngày trên đài phát thanh (Cụ thể, xem: Viện Sân khấu, 1984). Bên cạnh đó, Nhà nước cũng có những chính sách đãi ngộ cụ thể dành cho các văn nghệ sĩ tham gia phong trào này, như hỗ trợ tiền ăn, tiền tàu xe, tiền thuê phòng trọ, tiền mua vé xem các chương trình biểu diễn mỗi tuần một lần để nâng cao trình độ, tiền thuê xe vận chuyển dụng cụ/ nhạc cụ để biểu diễn, chi phí mua vật dụng cá nhân, viện phí và chi phí mai táng (xem thêm Quyết định số 255-VH/QĐ của Bộ Văn hóa nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ban hành ngày 11/4/1961 trên thuvienphapluat.vn).

⁹ Trước khi trở thành một phong trào chính thức ở Việt Nam, vấn đề phục hồi và phát huy vốn cổ văn nghệ của dân tộc từng được đặt ra trong nhiều hội nghị, chẳng hạn, Hội nghị tranh luận về văn nghệ (tháng 9/1949), Hội nghị tranh luận về sân khấu (tháng 3/1950), sau đó được văn bản hóa thành *Dự thảo về vấn đề khai thác vốn cổ dân tộc* (1951) do Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ban hành và tiếp tục được nhấn mạnh trong Đại hội liên hoan văn nghệ toàn quốc năm 1954. Để biết rõ hơn về lịch sử và diễn biến của phong trào này, xem: Trần Thanh Mại ([1955] 2004), Ty Văn hóa Kiến An (1957), Hoàng Châu Ký (1973), Viện Sân khấu (1984), Phạm Ngọc Hiền (2023).

¹⁰ Năm 1957, khi phong trào này đã diễn ra được vài năm, một số “lệch lạc” trong việc phục hồi, khai thác vốn cổ văn nghệ dân tộc đã được chỉ ra. Xem: Ty Văn hóa Kiến An (1957, tr.13-14) và bài “Phân đấu cho một nền văn nghệ dân tộc phong phú, dưới ngọn cờ của chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa xã hội” (1957) của Trường Chinh trong: Hồ Chí Minh và cộng sự (1963, tr.84-89).

nhân dân ta, tinh thần đấu tranh chống áp bức bóc lột của nông dân và công nhân Việt Nam, tinh thần đoàn kết giữa các dân tộc Việt Nam” (Nhiều tác giả, 1966, tr.24). Nhà xuất bản Kim Đồng - cơ quan xuất bản được Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thành lập vào năm 1957 để thúc đẩy hoạt động sáng tác cho thiếu nhi - “cũng coi trọng văn học dân gian nhưng chọn lựa chặt chẽ, khai thác có mục đích” để đáp ứng yêu cầu khách quan là “giáo dục chủ nghĩa anh hùng, tinh thần xả thân vì đất nước, vì lý tưởng” ở Việt Nam thời chiến (Văn, 1981, tr.107-108). Tóm lại, mục đích cốt yếu của phong trào phục hồi và phát huy vốn cổ văn nghệ của dân tộc Việt Nam là dùng chuyện quá khứ để truyền động lực cho các công dân Việt Nam thời hiện đại giải quyết những vấn đề nóng bỏng tại thời điểm đó: chống giặc ngoại xâm, thống nhất và kiến thiết đất nước. Nói cách khác, quá khứ đã trở thành một thứ khả dụng trong chiến lược kiến tạo quốc gia/ dân tộc ở Việt Nam trong giai đoạn 1955-1975, và phong trào phục hồi và phát huy vốn cổ văn nghệ của dân tộc, về bản

chất, chính là cuộc tìm kiếm những quá khứ khả dụng¹¹ trong văn chương - nghệ thuật, nhất là trong văn học dân gian¹².

Trong bầu không khí sôi nổi của phong trào ấy, câu chuyện *Thánh Gióng* - với tư cách một trong “số ít truyện điển hình” trong kho tàng văn học dân gian Việt Nam, “một bản hùng ca, ca ngợi cái uy vũ của một giống nòi” (Trần, [1955], 2003, tr.580, 537) - không chỉ được đưa vào các tuyển tập truyện cổ của Vũ Ngọc Phan (1955), Trần Thanh Mại (1955), Nguyễn Đông Chi (1958); mà còn được tái trí tác thành những phiên bản mới như truyện thơ *Thánh Gióng* (1957) của Nguyễn Xuân Trâm (?-?), truyện thơ *Thánh Gióng* (1963) của Trịnh Quang Chấn (1909-1978), truyện thơ *Phù Đổng Thiên Vương* (1968, ?, 1970)¹³ của Huy Cận (1919-2005), truyện tranh *Chuyện ông Gióng* (1974) của Tô Hoài (1920-2014) và Mai Long (1930-2024) với mức độ phổ biến bằng văn bản có lẽ chỉ thua kém truyện *Thạch Sanh*¹⁴. Bên cạnh đó, nó cũng được Phạm Ngọc Điền (?-?) dàn dựng thành vở kịch thơ *Bà mẹ Phù Đổng*

¹¹ Khái niệm “quá khứ khả dụng” (usable past), theo chỉ dẫn của Utz (2005, tr.628), có thể truy nguyên về tiểu luận “Vom Nutzen und Nachteil der Historie für das Leben” [On the Uses and Disadvantages of History for Life/ Về công dụng và bất cập của lịch sử đối với cuộc sống] (1874) của F. Nietzsche (1844-1900). Trong tiểu luận này, Nietzsche cho rằng không thể nhìn lịch sử mà không qua bất cứ một màng lọc nào và trên thực tế, bất buộc phải giải cấu trúc và tái cấu trúc lịch sử nếu như việc đó đem lại lợi ích về mặt chính trị. Về sau, “quá khứ khả dụng” thường được dùng để mô tả “cuộc tìm kiếm những gì đã diễn ra trong lịch sử mà có thể dẫn dụng để hợp thức hóa và ổn định hóa chế độ mới” (Utz, 2005, tr.628).

¹² Trên thực tế, một cuộc tìm kiếm những quá khứ khả dụng đã được khởi sự ở Việt Nam vào nửa đầu thế kỷ XX, khi Việt Nam chịu sự cai trị của thực dân Pháp và sau đó là đế quốc Nhật. Như Nguyễn Mạnh Tiến (2022) đã chỉ ra, truyện kể dân gian, các bài ca bình dân, phong tục và sinh hoạt ở thôn quê là những chất liệu chủ đạo mà các trí thức Việt Nam đầu thế kỷ XX hệ thống hóa, khai thác và trưng dụng nhằm kiến tạo căn cước cho dân tộc Việt Nam, định dạng Việt Nam và dựng xây văn minh Việt Nam. Sự hiện diện của những điển ngôn mang tinh thần dân tộc gắn với việc sử dụng chất liệu dân gian ở Việt Nam lúc bấy giờ được Nguyễn Mạnh Tiến xem là biểu hiện của “chủ nghĩa dân tộc lãng mạn” (romantic nationalism) - một cách phản ứng với tình thế thuộc địa của những trí thức bị trị. Gốc gác cổ xưa của văn học dân gian có thể giúp ích cho việc khẳng định sự tự chủ về mặt văn hóa của dân tộc bị trị, vì nó cho thấy một nền văn hóa đã có từ trước khi đất nước bị chiếm đoạt bởi những kẻ ngoại lai. Về chủ nghĩa dân tộc lãng mạn và ảnh hưởng của nó, xem Wilson (1973).

¹³ Hiện nay, Thư viện Quốc gia Việt Nam còn lưu trữ hai bản in của truyện thơ *Phù Đổng Thiên Vương* do Huy Cận soạn, bao gồm một bản in năm 1968 và một bản in năm 1970. Dòng chữ “in lần thứ 3, có sửa chữa, bổ sung” trên bản in năm 1970 hé lộ rằng tác phẩm này còn được ấn hành một lần nữa trong khoảng thời gian 1968-1970. Tuy nhiên, người viết chưa tìm thấy bản in lần thứ hai đó.

¹⁴ Từ năm 1955 đến năm 1975, câu chuyện *Thạch Sanh* đã được ấn hành ít nhất là 16 lần dưới dạng truyện thơ và truyện tranh với tổng số bản in không dưới 271.130 bản. Trong khi đó, truyện thơ và truyện tranh về *Thánh Gióng* ở giai đoạn này được xuất bản 6 lần với trên 143.980 bản in. Câu chuyện *Tám Cám* cũng được in 6 lần dưới hình thức truyện thơ và truyện tranh, nhưng với số lượng khiêm tốn hơn (ít nhất là 66.200 bản). Những số liệu trên đây được rút ra từ khảo sát của người viết tại Thư viện Quốc gia Việt Nam, Thư viện Hà Nội và Thư viện Viện Văn học. Tuy nhiên, không thể đưa ra con số chính xác mà chỉ có thể sử dụng các từ/ cụm từ mang ý nghĩa tương đối như “trên”, “ít nhất” và “không dưới” khi dẫn chứng số liệu, vì có tài liệu vẫn hiển thị trên biên mục nhưng không còn trên giá sách của thư viện (trường hợp ấn bản *Truyện Thạch Sanh* mà NXB Văn hóa phát hành năm 1957), hoặc chỉ có thể biết đến sự tồn tại của một ấn bản qua thông tin được nêu trong một ấn bản khác (trường hợp bản in lần thứ hai của truyện thơ *Phù Đổng Thiên Vương* của Huy Cận), hoặc tài liệu vẫn tồn tại nhưng không có thông tin về số lượng bản in ở trang xi nhê (trường hợp truyện tranh *Tám Cám* do Vũ Ngọc Phan kể, Mai Long vẽ, NXB Kim Đồng, 1973).

(1972) để biểu diễn trên sân khấu. Trong khi giữ nguyên những tình tiết chính như việc Gióng biến thành người khổng lồ, chiến đấu chống giặc ngoại xâm, cưỡi ngựa bay lên trời, các tác phẩm chuyển thể này đã nắn chỉnh một số chi tiết liên quan đến xuất thân của Thánh Gióng và động lực thúc đẩy nhân vật xung trận giết giặc. Cụ thể, ngoại trừ truyện thơ của Nguyễn Xuân Trâm, những tác phẩm còn lại không hề đề cập đến xuất thân thượng giới, cuộc hôn phối thần kỳ hay việc Thánh Gióng là con của một gia đình giàu có như truyền thuyết dân gian và những bản kể thời trung đại. Thay vào đó, *Thánh Gióng được khắc họa như một đứa trẻ được sinh ra một cách bình thường trong một gia đình lao động nghèo* ở làng Phù Đổng: “Cảnh nghèo bữa cháo bữa rau lần hồi” (Trịnh, 1963, tr.3); “Làng có một nhà khó/ Sinh con chẳng biết ngồi” (Huy Cận, 1968, tr.9). Động lực thúc đẩy cậu bé làng Phù Đổng ra trận cũng được xây dựng lại. Không viết về việc cậu bé cất tiếng nói sau ba năm lặng im như là kết quả của việc người mẹ hỏi đũa con rằng sao không đi đánh giặc để lấy phần thưởng của triều đình, báo đáp công nuôi nấng của cha mẹ như “Truyện Đổng Thiên Vương” trong *Lĩnh Nam chích quái*, cũng không xem hành động xung trận như một biểu hiện của lòng trung quân như *Thiên Nam ngữ lục* và *Đại Nam quốc sử diễn ca*, vở kịch thơ *Bà mẹ Phù Đổng* của Phạm Ngọc Điền để tiếng loa cầu hiền tài của sứ giả và nỗi trăn trở của người mẹ về việc bao giờ con mình lớn khôn để đánh giặc cứu nước thành tác nhân trực tiếp khiến cậu bé ngồi nhòm dậy và tự nhủ rằng “phải nêu cao ý chí/ Cùng trăm họ đất Văn Lang hùng vĩ/ Diệt hết quân thù giữ lấy non sông” (1972, tr.7). Nói cách khác, *lòng yêu*

nước mới là nguyên nhân thúc đẩy cậu bé làng Phù Đổng ra trận trong vở kịch này. Những thay đổi đó đã kéo Thánh Gióng về thế giới của những người cần lao và chiến tích anh hùng của Thánh Gióng trở thành hành động của những con người bình thường nhưng yêu nước. Khi được viết lại theo cách này, hình tượng Thánh Gióng đã sở hữu một số nét tương đồng với mẫu hình “con người mới” được đề cao trong các diễn ngôn về “chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam”¹⁵ trong giai đoạn 1955-1975: “những người lao động bình thường” nhưng “yêu nước, yêu nhân dân; trung thành với sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà; ghét bóc lột, ăn bám và lười biếng...” (Trường Chinh, trong: Hồ Chí Minh và cộng sự, 1963, tr.208, 212).

Đồng vọng với các diễn giải của giới học thuật về ý nghĩa biểu tượng của nhân vật Thánh Gióng, tác giả của những tác phẩm chuyển thể cũng nhấn mạnh Thánh Gióng là “hình ảnh quật cường của dân tộc ta” (Trịnh, 1963, tr.3), còn đơn vị xuất bản thì khẳng định việc ấn hành truyện thơ về Thánh Gióng là nhằm mục đích cung cấp cho độc giả một tác phẩm “vừa để giải trí, vừa để nhớ lại tinh thần yêu nước và truyền thống anh hùng của dân tộc Việt Nam ta” (Lời nói đầu của Nhà xuất bản Phổ Thông trong: Nguyễn, 1957, tr.4). Đáng chú ý, ngoài phần kể lại sự tích *Thánh Gióng*, sáng tác của Nguyễn Xuân Trâm còn có một phần vĩ thanh mang tên “Theo gương Thánh Gióng”. Ở đó, tác giả nhắc lại lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam từ thuở xa xưa cho đến thời điểm hiện tại, khi người Việt Nam đang phải tay không đối diện với những vũ khí

¹⁵ Khái niệm “chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam” thường được các chính trị gia và trí thức Marxist ở Việt Nam sử dụng trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ để đề cập đến lòng dũng cảm, sự kiên cường, ý thức tận hiến và tinh thần đấu tranh vì lẽ phải, sự công bằng và hòa bình của quân đội và nhân dân lao động Việt Nam trong cuộc chiến với giai cấp tư bản và chủ nghĩa đế quốc. Để biết rõ hơn về quan điểm này và tác động của nó đến sự phát triển của văn học - nghệ thuật, xem: Hồ Chí Minh và cộng sự (1966), Văn Tao (1972).

lợi hại, tối tân của đế quốc Mỹ. Không chỉ kêu gọi đồng bào noi gương Thánh Gióng để nối tiếp truyền thống anh hùng đã có từ mấy ngàn năm của dân tộc Việt Nam, phần vĩ thanh này cũng bộc lộ lòng biết ơn đối với Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh - những người đã “cùng dân chiến đấu bao ngày/ Quyết giành giữ nước non này cho ta/ Cho đời ta nở muôn hoa” (Nguyễn, 1957, tr.19). Câu chuyện *Thánh Gióng*, như vậy, đã được trung dụng để xây dựng sự kết nối và tiếp nối giữa quá khứ và hiện tại như một cách chứng minh rằng những chiến công phi thường của Thánh Gióng khi đối đầu với giặc Ân xưa kia sẽ được lặp lại trong cuộc chiến tranh vệ quốc của quân dân Việt Nam.

Sự kết nối và tiếp nối ấy đã được chính Chủ tịch Hồ Chí Minh xác nhận trong bài phát biểu khai mạc lễ kỷ niệm 30 năm thành lập Đảng ngày 05/01/1960: “Đảng ta vĩ đại thật. Một thí dụ: trong lịch sử ta có ghi chuyện vị anh hùng dân tộc là Thánh Gióng đã dùng gốc tre đánh đuổi giặc ngoại xâm. Trong những ngày đầu kháng chiến, Đảng ta đã lãnh đạo hàng nghìn hàng vạn anh hùng noi gương Thánh Gióng dùng gậy tầm vông đánh thực dân Pháp” (dẫn theo: Cao, [1969], 2003, tr.191). Mỗi dây liên tục giữa quá khứ và hiện tại cũng thể hiện trong những sáng tác văn chương lấy chất liệu từ câu chuyện *Thánh Gióng* ở nửa sau thế kỷ XX. Ngay từ năm 1955, trong bài thơ *Quang vinh Tổ quốc chúng ta*, Tố Hữu (1920-2002) đã ví nhân dân Việt Nam với người anh hùng làng Phù Đổng và mạnh mẽ khẳng định rằng Việt Nam nhất định sẽ chiến thắng đế quốc Mỹ và bẻ lũ tay sai, bởi “Sức nhân dân khỏe như ngựa sắt/ Chí căm thù rèn thép làm roi/ Lửa chiến đấu ta phun vào mặt/ Lũ sát nhân cướp nước hại nòi” (Tố, 2009, tr.238). Cũng trong mạch cảm hứng ấy, ở bài thơ *Theo chân Bác* (1970), Tố Hữu nhận định rằng buổi xuất

quân của những người Việt Nam ái quốc, đi theo sự lãnh đạo của Đảng và Bác Hồ ở thế kỷ XX cũng giống như ngày người anh hùng làng Phù Đổng “Vươn vai, lớn bổng dậy nghìn cân/ Cưỡi lưng ngựa sắt bay phun lửa/ Nhỏ bụi tre làng, đuổi giặc Ân!” (2009, tr.426). Trong khi đó, ở bài thơ viết cho thiếu nhi *Cắm trại trên quê hương Thánh Gióng* (1956), Phạm Hồ (1926-2007) cho thấy chuyến cắm trại đã kích thích bản tính hiếu kỳ và trí tưởng tượng phong phú của trẻ nhỏ, khiến các em không ngừng đặt ra những câu hỏi về dấu tích của Thánh Gióng trên mảnh đất này và đồng nhất thế giới thực tại với bối cảnh xa xưa của câu chuyện. Bài thơ khép lại bằng hình ảnh đoàn thiếu nhi nắm tay nhau, hát vang bài hát *Khăn quàng đỏ*, lá cây xào xạc như thể Thánh Gióng đang trở về nghe tiếng hát của những em nhỏ, và trước khi rời đi, các em đã mang theo hòn đất đỏ ở quê hương của người anh hùng để tặng những bạn bè không tham gia chuyến đi này. Cấu tứ ấy gợi ý rằng truyền thống anh hùng từ thời Thánh Gióng sẽ được tiếp nối bởi những Đội viên của Đội Thiếu niên Tiên phong Hồ Chí Minh trong thời đại mới. Đến *Tổ quốc bao giờ đẹp thế này chăng?* (1965) của Chế Lan Viên (1920-1989), Thánh Gióng hiện diện như một hình mẫu lý tưởng của thiếu nhi Việt Nam và thôi thúc các em cống hiến cho sự nghiệp giải phóng dân tộc: “Không ai có thể ngủ yên trong đời chật/ Buổi thủy triều vẫy gọi những vàng trắng/ Mỗi gié lúa đều muốn thêm nhiều hạt/ Gõ trăm cây đều muốn hóa nên trăm/ Mỗi chú bé đều nằm mơ ngựa sắt/ Mỗi con sông đều muốn hóa Bạch Đằng...” (Chế, 1965). Tới lượt mình, Huy Cận trực tiếp gửi sự kỳ vọng vào muôn triệu thiếu nhi Việt Nam - một lực lượng tuy nhỏ bé về vóc dáng và non trẻ về tuổi đời nhưng đều là “con cháu dòng Phù Đổng” nên hoàn toàn có khả năng tham gia vào công cuộc

cứu nước (*Tặng thiếu nhi Việt Nam anh hùng*, Lời đề từ trong: Huy Cận, 1968, tr.3).

5. KẾT LUẬN

Lần theo sự diễn hóa của câu chuyện *Thánh Gióng* trong văn hóa Việt Nam, bài viết cho thấy nhân vật Thánh Gióng đã phát triển từ một vị nhiên thần/ anh hùng bộ lạc thành một anh hùng dân tộc trong các diễn ngôn về thời đại Hùng Vương ở Việt Nam thế kỷ X - XIX và diễn ngôn của các trí thức yêu nước ở Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX. Tuy nhiên, trong suốt thời kỳ đó, Thánh Gióng chưa được hình dung như một biểu tượng của dân tộc Việt Nam. Ý nghĩa biểu tượng và vị thế điển phạm của nhân vật này là kết quả của một quá trình lịch sử bắt đầu từ năm 1955 khi phong trào phục hồi và phát huy vốn cổ văn nghệ của dân tộc Việt Nam được đẩy mạnh. Trong giai đoạn 1955-1975, hình tượng Thánh Gióng đã trở thành một chất liệu phù hợp để các trí thức đi theo đường lối chính trị của Đảng Lao động Việt Nam và Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa nâng lên thành một đại diện cho người lao động

và dân tộc Việt Nam, qua đó, kiến tạo và duy trì niềm tin về những truyền thống tốt đẹp vốn có từ thuở xa xưa và chưa bao giờ tàn lụi ngay cả khi Việt Nam bị xâm lược. Niềm tin ấy đã được lan truyền và nhân rộng thông qua phát biểu của Chủ tịch Hồ Chí Minh, những buổi trình diễn trên sân khấu, các tuyển tập truyện cổ, những ấn phẩm truyện tranh và sáng tác văn chương của các trí thức ái quốc. Niềm tin ấy góp phần thúc đẩy nhân dân Việt Nam tận hiến cho sự nghiệp giải phóng và thống nhất đất nước bởi họ chắc chắn rằng họ sẽ chiến thắng kẻ thù sừng sỏ hiện nay của mình như Thánh Gióng đã đánh bại giặc Ân ở thời quá khứ. Sự thất bại của quân đội Mỹ vào năm 1975 và sự thành lập Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam một năm sau đó đã chứng minh rằng niềm tin ấy không phải là vô căn cứ.

LỜI CẢM ƠN

Bài viết là sản phẩm của nhiệm vụ khoa học mã số KHXH/ĐX/2025-167 do Viện Văn học chủ trì năm 2025-2026

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

- Bui, H. M. (2003). Introduction. In Nguyen, N. C., and Sachs, D. (Eds), *Two Cakes Fit for a King: Folk Tales from Vietnam* (pp. 1-17). Honolulu: University of Hawaii Press.
- Bùi, D. T. (Chủ biên). (2000). *Tổng tập văn học Việt Nam*. Tập 6. Hà Nội: NXB Khoa học xã hội.
- Bùi, M. H. (Tổng Chủ biên) (2021). Thạch Sanh. Trong *Ngữ văn 6*, Tập 2 (tr. 24-30). Hà Nội: NXB Giáo dục Việt Nam.
- Bùi, M. N. (Chủ biên) (2000). *Văn học dân gian Việt Nam: Những tác phẩm chọn lọc*. Hà Nội: NXB Giáo dục.
- Cao, H. Đ. (1969). *Người anh hùng làng Dóng*. Hà Nội: Nhà xuất bản Khoa học Xã hội. Tái bản năm 2003 trong *Cao Huy Đình - Tác phẩm được Giải thưởng Hồ Chí Minh*. Hà Nội: NXB Khoa học xã hội.

Chương, T. (2010). *Đông Kinh nghĩa thực*. Hà Nội: NXB Hồng Đức.

Chê, L. V. (1965). “Tổ quốc bao giờ đẹp thế này chăng?”. <https://www.thivien.net/Ch%E1%BA%BF-Lan-Vi%C3%AAn/T%E1%BB%95-qu%E1%BB%91c-bao-gi%E1%BB%9D-%C4%91%E1%BA%B9p-th%E1%BA%BF-n%C3%A0y-ch%C4%83ng-poem-G6Ov20BPmMtyfqss33i8w>. Truy cập tháng 03/2024.

Doãn, K. (Krnxb). “Vịnh Đông Thiên Vương.” <https://www.thivien.net/Nguy%E1%BB%85n-Khuy%E1%BA%BFn/V%E1%BB%8Bnh-%C4%90%E1%BB%95ng-Thi%C3%AAn-V%C6%B0%C6%A1ng/poem-CboJbPdZlUnBspgO8H-APA>. Truy cập tháng 02/2024.

Đặng, T. M. (1976). *Văn thơ cách mạng Việt Nam đầu thế kỷ XX (1900-1925)*. Bản in lần thứ ba (có chỉnh sửa). Tp. Hồ Chí Minh: NXB Văn học Giải phóng.

Đình, G. K. (1971). Sức sống của truyền thống anh hùng trong các nhân vật chính của truyện thần thoại và cổ tích lịch sử. Trong: Viện Văn học (biên soạn), *Truyền thống anh hùng dân tộc trong loại hình tự sự dân gian Việt Nam* (tr. 120-140). Hà Nội: NXB Khoa học xã hội.

Đình, G. K., Chu, X. D. (1962). *Văn học dân gian Việt Nam*. Hà Nội: NXB Giáo dục.

Đỗ, Đ. H., Nguyễn, H. C., Phùng, V. T. & Trần, H. T. (Chủ biên) (2004). *Từ điển văn học (Bộ mới)*. Hà Nội: NXB Thế Giới.

Guillory, J. (1993). *Cultural Capital: The Problem of Literary Canon Formation*. Chicago: University of Chicago Press.

Hoàng, C. K. (1973). *Sơ khảo lịch sử nghệ thuật tuồng*. Hà Nội: NXB Văn hóa.

Hoàng thành Thăng Long (Krnxb). “Hội Gióng.” <https://hoangthanhthanglong.vn/blog/2023/05/16/hoi-giong-2/>. Truy cập tháng 02/2024.

Hồ, C. M., Lê, D., Trường, C., Phạm, V. Đ., Võ, N. G., Nguyễn, C. T. (1963). *Bàn về văn hóa và văn nghệ*. Hà Nội: NXB Văn hóa - Nghệ thuật.

Hồ, C. M., Lê, D., Trường, C., Phạm, V. Đ., Võ, N. G., Nguyễn, C. T., Song, H., Trường, S. (1966). *Bàn về chủ nghĩa anh hùng cách mạng*. Hà Nội: NXB Quân đội nhân dân.

Huy Cận. (1968). *Phù Đổng Thiên Vương*. Tạ Thúc Bình minh họa. Hà Nội: NXB Kim Đồng.

Huy, K., Lê, T. (2010). “Khánh thành tượng đài Thánh Gióng.” Báo điện tử Chính phủ (<https://baochinhphu.vn/khanh-thanh-tuong-dai-thanh-giong-10238581.htm>). Truy cập tháng 02/2024.

Lê, N. C., Phạm, Đ. T. (Krnxb). “Đại Nam quốc sử diễn ca.” Wikisource (<https://www.thivien.net/L%C3%AA-Ng%C3%B4-C%C3%A1t/H%E1%BB%93i-01-Nh%C3%A0-H%E1%BB%93ng-B%C3%A0ng-2879-258-tr%C6%B0%E1%BB%9Bc-CN/poem-FRIgYOpJAUldZwq1lk3sfw>). Truy cập tháng 02/2024.

- Lý, T. X. (2012). *Việt điện u linh*. Trịnh Đình Rur dịch, Đinh Gia Khánh hiệu đính. Gia Lai: NXB Hồng Bàng.
- Ngô, M. T. (2022). Lời nói đầu. Trong Nguyễn, Đ. C., & Viện Nghiên cứu Phát triển Văn hóa – Ngôn ngữ và Giáo dục (CLEF), *20 truyện cổ tích Việt Nam chọn lọc (Sách song ngữ Việt - Nhật)* (tr. 9-12). Hà Nội: NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Ngô, S. L. và các sử thần nhà Hậu Lê (2009). *Đại Việt sử ký toàn thư* (toàn tập). Cao Huy Giu dịch, Đào Duy Anh hiệu đính. Hà Nội: NXB Văn học.
- Nguyen, N. C., and Sachs, D. (2003). *Two Cakes Fit for a King: Folk Tales from Vietnam*. Honolulu: University of Hawaii Press.
- Nguyễn, Đ. T. (1944). Sức sống của dân Việt Nam trong ca dao và cổ tích. In lại trong *Mấy vấn đề văn học*, Tập 1 (1944 - 1955). Hà Nội: NXB Văn nghệ.
- Nguyễn, Đ. C. (1956). *Lược khảo về thần thoại Việt Nam*. Hà Nội: Ban Văn Sử Địa xuất bản.
- Nguyễn, Đ. C. (1958). *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam*. Hà Nội: NXB Văn Sử Địa.
- Nguyễn, K. T. (1954). *Đại cương về văn học sử Việt Nam*. Tập 1. Hà Nội: Nha Giáo dục Phổ thông xuất bản.
- Nguyễn, K. P. (Tổng Chủ biên) (2002). *Thạch Sanh*. Trong *Ngữ văn 6*, Tập 1 (tr. 61-67). Hà Nội: NXB Giáo dục.
- Nguyễn, M. T. (2022). *Quốc gia hiện lên từ cổ tích*. Tham luận trình bày tại Hội thảo khoa học thường niên của Viện Văn học (Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam), tổ chức vào ngày 10/01 tại Hà Nội.
- Nguyễn, M. T. (Tổng chủ biên) (2021). *Thạch Sanh*. Trong *Ngữ văn 6*, Tập 1 (tr. 19-24). Tp. Hồ Chí Minh: NXB Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
- Nguyễn, T. (2024). “Hội khỏe Phù Đổng - Ngày hội thể thao của học sinh phổ thông.” Cổng thông tin điện tử huyện Hưng Hà tỉnh Thái Bình (<https://hungha.thaibinh.gov.vn/tin-tuc/van-hoa-xa-hoi/hoi-khoe-phu-dong-ngay-hoi-the-thao-cua-hoc-sinh-pho-thong.html>). Truy cập tháng 02/2024.
- Nguyễn, V. H. (1939). *Les fêtes de Phù Đổng (une bataille céleste dans la tradition annamite)*. Hà Nội: BEFEO.
- Nguyễn, V. (2011). “Truyền thuyết Thánh Gióng – Sự phối trộn các thành tố huyền thoại Âu và Lạc ở thế kỷ 3 trước Công nguyên”. <http://www.drnguyenviet.com/?id=5&cat=1&cid=84>. Truy cập tháng 12/2025.
- Nguyễn, X. T. (1957). *Thánh Gióng*. Hà Nội: NXB Phổ Thông.

Nhiều tác giả (1966). *Những ý kiến về văn học dân gian Việt Nam phát biểu trong Hội nghị sưu tập văn học dân gian toàn miền Bắc do Viện Văn học tổ chức ngày 4 và 5 tháng 12-1964 tại Hà Nội*. Hà Nội: NXB Khoa học.

Nhiều tác giả (1984). *Từ điển văn học*. Tập 2. Hà Nội: NXB Khoa học xã hội.

Nhiều tác giả (2008). *100 năm Đông Kinh nghĩa thực*. Hà Nội: NXB Tri thức.

Pearce, S. M. (1998). The Construction of Heritage: The Domestic Context and Its Implications. *International Journal of Heritage Studies*, 4(2), 86-102. <https://doi.org/10.1080/13527259808722224>

Phạm. H. (1956). “Cắm trại trên quê hương Thánh Gióng.” <https://www.thivien.net/Ph%E1%BA%A1m-H%E1%BB%95/C%E1%BA%AFm-tr%E1%BA%A1i-tr%C3%AA-n-qu%C3%AA-h%C6%B0%C6%A1ng-Th%C3%A1nh-Gi%C3%B3ng/poem-egBrjw7VxkwoIC9SgYVlkA>. Truy cập tháng 03/2024.

Phạm, N. Đ. (1972). Bà mẹ Phù Đổng. Trong *Bà mẹ Phù Đổng* (tr. 5-12), biên soạn và xuất bản: Ty Văn hóa Ninh Bình.

Phạm, N. H. (2023). Diễn biến và tác động của hội nghị tranh luận về sân khấu năm 1950. *Nghiên cứu văn học*, 2, 12-18.

Smith, L. (2006). *Uses of Heritage*. London: Routledge.

Tầm Vu (1971). Tư tưởng chủ yếu của người Việt thời cổ qua những truyện đứng đầu trong thần thoại và truyền thuyết. Trong: Viện Văn học biên soạn, *Truyền thống anh hùng dân tộc trong loại hình tự sự dân gian Việt Nam* (tr. 100-119). Hà Nội: NXB Khoa học xã hội.

Thanh, L. (1954). *Văn học khởi thảo: Văn chương bình dân*. Hà Nội: Phong Trào Văn Hóa xuất bản.

Thư viện Pháp luật (Krnxb). “Quyết định 255-VH/QĐ ấn định phụ cấp các nghệ nhân được mời để khai thác vốn cổ dân tộc.” Thư viện Pháp luật. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Lao-dong-Tien-luong/Quyết-dinh-255-VH-QĐ-ấn-dinh-phụ-cấp-các-nghe-nhan-duoc-mời-de-khai-thác-vốn-cổ-dân-tộc-20456.aspx>. Truy cập tháng 03/2024.

Tô, H., Mai, L. (1974). *Chuyện ông Gióng*. Hà Nội: NXB Kim Đồng.

Tố, H. (2009). *Tố Hữu toàn tập*. Tập 1. Hà Minh Đức biên soạn. Hà Nội: NXB Văn học.

Trần, T. M. (2004). *Trần Thanh Mại toàn tập*. Tập 2. Hồng Diệu biên soạn. Hà Nội: NXB Văn học.

Trần, T. P., Vũ, Q., Kiều, P. (2013). *Lĩnh Nam chích quái*. Đinh Gia Khánh, Nguyễn Ngọc San dịch. Tp. Hồ Chí Minh: NXB Trẻ và NXB Hồng Bàng.

- Trần, T. M. N. (Chủ biên) (2021). *Giáo trình văn học dân gian Việt Nam dành cho sinh viên nước ngoài*. Tp. Hồ Chí Minh: NXB Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
- Trần, T. V. (1929). *Truyện đức Thánh Gióng (Phù Đổng Thiên Vương)*. Hà Nội: Nam Ký thư quán.
- Trịnh, Q. C. (1963). *Chuyện cổ tích Việt Nam (kể bằng thơ)*. Hà Nội: NXB Phổ Thông.
- Ty Văn hóa Kiến An (1957). *Vấn đề phục hồi và khai thác vốn cổ văn nghệ dân tộc*. Ty Văn hóa Kiến An xuất bản.
- Văn, H. (1981). NXB Kim Đồng và nền văn học viết cho thiếu nhi của Việt Nam. *Văn học*, 3, 105-110.
- Utz, R. (2005). Nation, Nation-Building, and Cultural Intervention: A Social Science Perspective. *Max Planck Yearbook of United Nations Law*, 9, 615-647.
- Văn, T. (1972). *Chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam*. Hà Nội: NXB Khoa học xã hội.
- Viện Đào tạo Báo chí và Truyền thông (Krnxb). “Môn Sử: Việt Nam giai đoạn 1954-1975” <https://sjc.ussb.vnu.edu.vn/vi/ngnien-cuu-khoa-hoc/chuong-trinh-de-tai-du-an/mon-su-viet-nam-giai-doan-1954-1975-15.html>. Truy cập tháng 03/2024.
- Viện Sân khấu (1984). *Lịch sử sân khấu Việt Nam*. Tập 1. Hà Nội: Viện Sân khấu xuất bản.
- Vũ, A. T. (Chủ biên) (2016). *Giáo trình văn học dân gian*. Hà Nội: NXB Giáo dục Việt Nam.
- Vũ, Đ. C. (1939). *Chuyện đức Thánh Gióng*. Hà Nội: Impr. Quảng Thịnh.
- Vũ, N. P. (1955). *Truyện cổ tích Việt Nam*. Hà Nội: Ban nghiên cứu Văn Sử Địa xuất bản.
- Wilson, W. A. (1973). Herder, Folklore and Romantic Nationalism. *Journal of Popular Culture*, 6(4), 819-835.